問問題

wèn wèn tí

Copy the pinyin of the question sentence

1 name	你叫什麼名字？ nǐ jiào shé mo míng zi?
2 age	你幾歲？ nǐ jǐ suì?
3 grade	你上幾年級？ nǐ shàng jǐ nián jí?
4 family	你家有幾個人？ nǐ jiā yǒu jǐ ge rén?
5 country	你是哪國人？ nǐ shì nǎ guó rén?
6 place	你家住在哪儿？ nǐ jiā zhù zài nǎ er?
7 phone	你家的電話號碼是多少？ nǐ jiā de diàn huà hào mǎ shì duō shǎo?

LIVEWORKSHEETS